TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **61**/2020/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 13 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà xx, đường B, tổ y, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà xx, đường B, tổ y, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Minh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2003 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2009 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị Thu H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Minh H cùng xác định tự thoả thuận chia sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung:* Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Minh H xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000250 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Thu H số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố T (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố T (để thi hành);
- UBND xã B, thị xã L, tỉnh Lào Cai (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP T.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn